

Số: /BC-KTTL-KH

Đồng Nai, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

(Theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ)

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1:

A. Về chỉ tiêu sản xuất:

- Diện tích tưới, tiêu nông nghiệp: Kế hoạch năm 2023 là 27.405ha (bao gồm diện tích tưới là 22.166ha; diện tích tiêu là 5.239ha).

Kết quả thực hiện tổng diện tích tưới, tiêu cả năm là: 27.974ha /27.405ha đạt 102,07% (bao gồm diện tích tưới là 22.730 ha/22.166ha đạt 102,54% kế hoạch; Diện tích tiêu là 5.244/5.239ha đạt 100,09% kế hoạch.

- Diện tích ngăn mặn, xả phèn: Kết quả phục vụ đảm bảo không bị xâm nhập mặn với tổng diện tích 5.861ha/5.861ha đạt 100% kế hoạch được giao; Trong đó Công trình HTTL Ông Kèo ngăn mặn xả phèn 5.276ha, công trình đê Hiệp Phước – Long Thọ là 585ha.

- Cấp nước công nghiệp và sinh hoạt: Kết quả thực hiện cấp nước công nghiệp và sinh hoạt năm 2023 là 37.896.619m³/33.282.000 m³ đạt 113,87% kế hoạch. Năm 2023 các đơn vị sử dụng nước tập trung lấy nước từ các công trình thủy lợi nên lượng nước cung cấp cả năm vượt so với kế hoạch đề ra.

B. Chỉ tiêu về tài chính:

- Tổng doanh thu: Kế hoạch là 39.911.000.000 đồng.

Tổng doanh thu thực hiện năm 2023 là 44.879.870.000 đồng đạt 112,45% chỉ tiêu kế hoạch. Nguồn thu tăng chủ yếu từ nguồn thu cung cấp nước cho công nghiệp và sinh hoạt.

- Tổng chi phí: Kế hoạch là 35.687.000.000 đồng. Tổng chi phí thực hiện năm 2023 là 38.613.654.000 đồng đạt 108,20% kế hoạch.

- Tổng lợi nhuận sau thuế: Kế hoạch là 3.379.200.000 đồng. Do tổng doanh thu tăng và Công ty đã kiểm soát tốt các khoản chi phí nên kết quả lợi nhuận năm 2023 vượt kế hoạch được giao, giá trị thực hiện là 5.010.154.000 đồng đạt 148,26% so với kế hoạch.

- Nộp ngân sách: Kế hoạch là 5.022.000.000 đồng. Các khoản đã nộp ngân sách thực hiện năm 2023 là 9.314.828.000 đồng đạt 185,48% so với chỉ tiêu kế hoạch.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn Chủ sở hữu: Kế hoạch giao là 0,22%. Kết quả thực hiện năm 2023 là 0,34% đạt 154,55% kế hoạch.

- Lao động và tiền lương: Kế hoạch lao động năm 2023 là 118 người (Bao gồm số người quản lý doanh nghiệp là 08 người; Số người lao động là 110 người).

Năm 2023 tổng số lao động của toàn Công ty là 114 người đạt 96,61% kế hoạch (Số người quản lý doanh nghiệp là 08 người, số người lao động là 106 người).

Tổng quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023 là 13.957.378.000 đồng. Chi phí tiền lương thực hiện năm 2023 là: 15.672.375.000 đồng đạt 112,29% kế hoạch.

2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1 Thuận lợi:

- Được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành trong quá trình thực hiện các hoạt động của công ty, cùng với sự phối hợp chặt chẽ của chính quyền địa phương các huyện, xã, trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ vận hành, khai thác các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất.

- Công ty chủ động nguồn kinh phí để sửa chữa kịp thời các công trình xuống cấp. Thực hiện các phương án phòng chống thiên tai như: bão, lũ, lụt đảm bảo phục vụ tốt cho sản xuất và an toàn cho công trình.

- Nhu cầu dùng nước của một số doanh nghiệp năm 2023 tương đối ổn định qua các năm đảm bảo nguồn thu, tạo thuận lợi các hoạt động của Công ty.

- Công tác quản lý, khai thác nguồn nước các công trình thủy lợi được công ty chú trọng thực hiện, do đó điều tiết đủ nước để đảm bảo phục vụ sản xuất và cung cấp nước cho công nghiệp và sinh hoạt.

- Tập thể cán bộ công nhân viên đoàn kết, thống nhất trong nội bộ Công ty, có trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

2.2 Khó khăn:

- Một số tổ chức hợp tác dùng nước ở địa phương chưa được tổ chức chặt chẽ, chưa phối hợp nhiệt tình với Công ty nên chưa phát huy được hiệu quả để thực hiện nhiệm vụ quản lý hệ thống kênh nội đồng và tiếp nhận, điều hòa phân phối nước đến mặt ruộng cho người nông dân.

- Công tác vi phạm đất công trình: Tình trạng lấn chiếm, sử dụng trái phép đất công trình vẫn còn xảy ra. Công tác xử lý vi phạm ở một số xã, huyện chưa dứt khoát, còn tồn đọng nhiều trường hợp vi phạm chưa được giải quyết triệt để.

- Đối với công tác thực hiện chỉ tiêu kế hoạch tưới:

+ Một số địa phương không đăng ký kế hoạch sản xuất nhưng người dân tự ý canh tác sản xuất khiến công ty không chủ động trong công tác vận hành điều tiết nước và khó khăn trong việc hoàn tất thủ tục hồ sơ tưới với địa phương.

+ Một số tổ hợp tác dùng nước chưa phối hợp tốt với công nhân trạm nhận nước theo lịch từ công trình dẫn vào ruộng cho các hộ dùng nước.

- Công tác đầu tư xây dựng cơ bản: Quá trình thực hiện dự án còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc chủ yếu về mặt bằng thi công. Nguyên nhân do vướng mắc đất thuộc một số hộ dân vắng chủ, số hộ dân không đồng ý về đơn giá, hướng tuyến và phương án hỗ trợ. Công ty đang tiếp tục phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

BẢNG SỐ 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2023 | Giá trị thực hiện năm 2023 |
|----|-----------------------------------|----------------|---------------|----------------------------|
| 1 | Sản phẩm chủ yếu sản xuất | | | |
| a | Diện tích tưới, tiêu | ha | 27.405 | 27.974 |
| b | Diện tích ngăn mặn xả phèn | ha | 5.861 | 5.861 |
| c | Cấp nước công nghiệp và sinh hoạt | m ³ | 33.282.000 | 37.896.619 |
| 2 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 39,911 | 44,879 |
| 3 | Tổng chi phí | Tỷ đồng | 35,687 | 38,613 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 4,224 | 6,266 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 3,379 | 5,010 |

| | | | | |
|----|-----------------------------------|---------|--------|--------|
| 6 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ VCSH | % | 0,22 | 0,34 |
| 7 | Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước | Tỷ đồng | 5,022 | 9,315 |
| 8 | Sản phẩm dịch vụ công ích | | | |
| a | Diện tích tưới, tiêu | ha | 27.405 | 27.974 |
| b | Diện tích ngăn mặn xả phèn | ha | 5.861 | 5.861 |
| 9 | Tổng số lao động | Người | 118 | 114 |
| 10 | Tổng quỹ lương | Tỷ đồng | 13,957 | 15,672 |
| a | Quỹ lương quản lý | Tỷ đồng | 2,034 | 2,957 |
| b | Quỹ lương lao động | Tỷ đồng | 11,923 | 12,715 |

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên: (Chi tiết theo Bảng số 2)

Tiến độ thực hiện các dự án thuộc nhóm B trở lên như sau:

- Dự án Trạm bơm Đắc Lua, huyện Tân Phú: Thời gian thực hiện dự án từ năm 2020 đến năm 2024. Kế hoạch vốn năm 2023 là 50.000,0 triệu đồng. Dự án được khởi công tháng từ ngày 11/10/2021. Kết quả thực hiện thanh toán giải ngân năm 2023 là 42.904,24 triệu đồng, đạt 85,81% so với kế hoạch (Trong đó chi phí bồi thường là 25.423,15 triệu đồng).

- Dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán: Thời gian thực hiện dự án từ năm 2017 đến năm 2024. Kế hoạch vốn năm 2023 là 16.676,16 triệu đồng (Trong đó vốn kéo dài năm 2022 chuyển qua là 5.676,16 triệu đồng; Vốn ngân sách năm 2023: 11.000,0 triệu đồng). Dự án khởi công ngày 09/10/2021. Năm 2023 dự án tiếp tục thi công hạng mục trạm bơm cấp 2: Đã xây lắp nhà trạm bơm, nhà quản lý, hệ thống điện; Đường ống chính 2.058,51m/2.415,18m; Đường ống nhánh 9.278,19m/15.342,0m. Kết quả thực hiện thanh toán giải ngân năm 2023 là 12.547,98 triệu đồng đạt 75,25% kế hoạch.

- Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú: Thời gian thực hiện dự án từ năm 2022 đến năm 2025. Kế hoạch vốn năm 2023 là 38.200,0 triệu đồng. Dự án khởi công ngày 07/12/2023. Kết quả thực hiện thanh toán giải ngân năm 2023 là 38.200,0 triệu đồng đạt 100,0% kế hoạch vốn.

- Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Gia Ui, huyện Xuân Lộc: Thời gian thực hiện dự án 04 năm kể từ ngày bố trí vốn thực hiện dự án. Kế hoạch vốn năm 2023 là 1.220,0 triệu đồng (Trong đó năm 2023 là 420,0 triệu đồng; Vốn tạm ứng năm 2024 là 800 triệu đồng). Dự án đang trong giai đoạn thực hiện đầu tư. Công ty đã

hoàn tất thủ tục lựa chọn nhà thầu theo Quyết định 2228/QĐ-UBND ngày 18/09/2023 của UBND tỉnh và thực hiện ký kết hợp đồng với các nhà thầu. Kết quả thực hiện thanh toán giải ngân năm 2023 là 1.220,0 triệu đồng đạt 100,0% kế hoạch vốn.

BẢNG SỐ 2
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

| TT | Tên dự án | Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng) | Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng) | Vốn vay (tỷ đồng) | Vốn khác (tỷ đồng) | Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm BC (tỷ đồng) | Thời gian thực hiện dự án (từ năm... đến năm...) |
|------------------|--|----------------------------------|---------------------------------|--------------------------|---------------------------|---|---|
| DA nhóm B | | | | | | | |
| 1 | Dự án Trạm bơm Đắc Lua, huyện Tân Phú | 163,537 | 0 | 0 | 163,537 | 113,442 | Từ năm 2020 đến năm 2024 |
| 2 | Dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán | 253,0 | 0 | 0 | 253,0 | 217,662 | Từ năm 2017 đến năm 2024 |
| 3 | Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú | 134,445 | 0 | 0 | 134,445 | 40,260 | Từ năm 2021 đến năm 2024 |
| 4 | Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Gia Ui, huyện Tân Phú | 89,774 | | | 89.774 | 2,320 | 04 năm kể từ năm bố trí vốn thực hiện dự án |

2. Các khoản đầu tư tài chính: Công ty không có các khoản đầu tư tài chính.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON: Công ty không có công ty con.

Trên đây là báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh;
- Cổng thông tin doanh nghiệp;
- Trang thông tin điện tử Công ty;
- Hội đồng thành viên;
- BGD Công ty; KSV;
- Lưu VT; (B.Thúy).

GIÁM ĐỐC

Dương Xuân Sơn